

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST.

Ngày 25-9-2025.

“V/v Hủy việc kết hôn trái pháp luật,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hoàng Phương;

2. Ông Vũ Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, về việc Hủy việc kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 15 /2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giàng Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ thôn K 14+17, xã T, tỉnh Lào Cai; “Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. *Bị đơn:* Anh Thào A T, sinh năm 1988; địa chỉ thôn K, xã T, tỉnh Lào Cai; “Vắng mặt”.

3. *Người có quyền lợi liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai; địa chỉ trụ sở thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai; người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T; đại diện theo ủy quyền ông Hà Đức P - Công chức tư pháp hộ tịch, xã T; “Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị Giàng Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị M và anh Thào A T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/4/2006 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Yên

Bái. Do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị M và cán bộ tư pháp không tính tuổi của chị M, nên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn bình thường; thực tế tại thời điểm đăng ký kết hôn chị M chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với anh T do tính tình không hợp, nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, khiến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, gây áp lực cho nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên mong muốn được ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc hôn nhân trái pháp luật giữa chị M và anh T.

- Về con chung:

Chị Giàng Thị M và anh Thảo A T có 02 con chung là Thảo Thị Ngân H1, sinh ngày 05/8/2007 và Thảo Hoàng L, sinh ngày 16/9/2008. Sau ly hôn chị M đề nghị giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Chị Giàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Thảo A T trình bày:

Anh Thảo A T và chị Giàng Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái, ngày 26/4/2007; trong quá trình chung sống chị M có quan hệ ngoại tình, nên hai người có xảy ra mâu thuẫn, đến ngày 10/02/2016 chị M bỏ nhà đi và từ đó hai người sống ly thân. Anh thừa nhận xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị M, nên chị M xin ly hôn anh không nhất trí.

Con chung: Anh Thảo A T và chị Giàng Thị M có 02 con chung là Thảo Thị Ngân H1, sinh ngày 05/8/2007 và Thảo Hoàng L, sinh ngày 16/9/2008. Anh T không có ý kiến gì về con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Anh Thảo A T không có yêu cầu gì.

* Quá trình giải quyết vụ án, lời khai của đương cháu H1, cháu L, đều có nguyện vọng được ở với anh T.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ủy ban nhân dân xã T trình bày ý kiến:

Căn cứ theo tờ khai đăng ký kết hôn của chị Giàng Thị M và anh Thảo A T; qua tiếp nhận hồ sơ từ UBND xã P (cũ), chuyển đến UBND xã T (mới) lưu trữ sổ đăng ký kết hôn, trong sổ có thông tin về việc đăng ký kết hôn giữa chị Giàng Thị M và anh Thảo A T, trong 01 trang, có chữ ký của Thảo A T, Giàng Thị M và Thảo A S, ngoài ra không còn lưu trữ tài liệu gì liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa anh T và chị M. Do sai sót của ông Thảo A S - Công chức tư pháp xã P và ông Sùng A C - Chủ tịch UBND xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái (nay là UBND xã T, tỉnh Lào Cai). Do đó đã đăng ký kết hôn cho chị Giàng Thị M và anh Thảo A T vào ngày 26-4-2007 sai quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, thời điểm đăng ký kết hôn chị Giàng Thị M mới được 16 tuổi 10 tháng 19 ngày.

Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai đề nghị Tòa án nhân khu vực 5 - Lào Cai giải quyết Hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật, giải quyết tranh chấp về nuôi con giữa chị Giàng Thị M và anh Thảo A T theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lào cai có ý kiến về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán được phân công. Tiến hành thụ lý vụ án đúng trình tự, thủ tục và gửi thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn quy định; xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; thu thập chứng cứ khách quan, công khai; ra quyết định xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo. Hội đồng xét xử đã xét xử vụ án đúng nguyên tắc, thành phần.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 3, 8, 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị M: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị M và anh Thảo A T theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 26/4/2007 của UBND xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Về con chung: Giao anh Thảo A T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Thảo Hoàng L, sinh ngày 16/9/2008, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Chị Giàng Thị M và anh Thảo A T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Lào Cai; chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lào Cai; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị Giàng Thị M, sinh ngày 07/6/1990 và Thảo A T, sinh ngày 02/8/1988 tự nguyện kết hôn với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 26/4/2027. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Giàng Thị M 16 tuổi 10 tháng 19 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Mặt khác, quá trình chung sống chị M và anh T thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay hai người đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Giàng Thị M về hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị M và anh Thảo A T là phù hợp với các Điều 10, 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Hậu quả của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy chị Giàng Thị M và anh Thảo A T phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[4] Con chung: Chị Giàng Thị M và anh Thảo A T có 02 con chung là Thảo Thị Ngân H1, sinh ngày 05/8/2007 và Thảo Hoàng L, sinh ngày 16/9/2008.

Đối với đề nghị của chị Giàng Thị M, giao cho anh Thảo A T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng tại thời điểm xét xử cháu H1 đã trên 18 tuổi, có trí lực phát triển bình thường, nên Hội đồng xét xử không xét về việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Đối với cháu L có nguyện vọng được ở cùng anh T và cháu cũng đã ở cùng anh T từ nhỏ; để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như tâm sinh lý của cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Thảo A T không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Chị Giàng Thị M và anh Thảo A T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái nay là xã T, tỉnh Lào Cai, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị Giàng Thị M và anh Thào A T không đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đề nghị Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai rút kinh nghiệm trong việc đăng ký kết hôn nêu trên, nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Án phí: Chị Giàng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lào Cai là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 10, 11, 12, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TLLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP/01/2016 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị M.

[1] Quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Giàng Thị M và anh Thào A T, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2007, ngày 26 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái cấp.

Chị Giàng Thị M và anh Thào A T phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

[2] Con chung:

Giao cho anh Thào A T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Thào Hoàng L, sinh ngày 16/9/2008.

Chị Giàng Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Giàng Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Án phí: Chị Giàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 0000522 ngày 04/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh L; chị M đã nộp đủ án phí.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND phường Trung Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân